TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**
Bản án số: 544/2022/DS-PT Ngày 18 - 8 - 2022 V/v *"Công nhận tài sản thừa kế theo di chúc".*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Long

Bà Huỳnh Thanh Duyên

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2022/TLPT-DS, ngày 28 tháng 02 năm 2022, về việc "*công nhận tài sản thừa kế theo di chúc*". Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2021/DS-ST, ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 575/2022/QĐ-PT, ngày 22 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn: Bà* Nguyễn Thị H, sinh năm 1957;

Địa chỉ: 10 Newha Ven. Tce sa. 5110 Burtow. Australia.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn D, sinh năm 1984; Địa chỉ: số 02 LH, phường VL, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị D1, sinh năm 1993; Địa chỉ: 36 VTT, khu phố NCT, phường VT, thành phố RG, Kiên Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Lê Thanh L, sinh năm 1967; Địa chỉ: 22/2 VTT, khu phố NCT, phường VT, thành phố RG, Kiên Giang (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H – ông Nguyễn D trình bày:

Bà Nguyễn Thị H có người em ruột tên Nguyễn Thị D2, bà D2 chết ngày 11/12/2015. Trước khi chết, bà D2 có lập di chúc để lại toàn bộ nhà đất tại số 36 VTT, khu phố NCT, phường VT, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang cho bà H thừa hưởng theo: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là: GCN.QSDĐ) số AK 494892 mà bà D2 được Ủy ban nhân dân (gọi tắt là: UBND) thành phố RG cấp.

Bà D2 có người con nuôi tên Nguyễn Thị D1, do chị D1 có hành động sai trái nên bà D2 không cho chị D1 ở trong căn nhà này. Nhưng khi bà D2 chết thì chị D1 tự ý vào nhà ở. Khi bà H về Việt Nam thì bà H không đồng ý cho chị D1 ở trong căn nhà này.

Căn cứ vào quyền sử dụng hợp pháp nên bà H đã cho ông Lê Thanh L thuê nhà đất này, hợp đồng thuê được công chứng ngày 30/3/2017. Khi ông Lâm vào sử dụng nhà thì chị D1 ngăn cản nên hai bên chỉ lập hợp đồng, thực tế ông Lâm chưa vào ở. Tính đến thời điểm này thì hợp đồng cũng đã hết hạn.

Do đó bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận di chúc của bà Nguyễn Thị D2 lập ngày 27/3/2015 là hợp pháp và công nhận quyền thừa kế nhà đất theo di chúc cho bà H. Buộc chị D1 giao lại cho bà H nhà đất nêu trên và chấm dứt hành vi ngăn cản bà H sử dụng nhà đất này.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị D1 trình bày:*

Mẹ Nguyễn Thị D2 và cha Nguyễn Văn Th không có con nên xin chị về nuôi từ nhỏ và chị có tên trong hộ khẩu thường trú của gia đình, sau đó cha nuôi bỏ đi không biết năm nào, nhưng hai mẹ con chị vẫn nương tựa với nhau sống cho đến nay.

Trong thời gian chung sống với nhau, bà D2 có tạo lập được một căn nhà cấp 4, ngang 5m, dài 20m trên diện tích đất tại số 36 VTT, giấy tờ nhà do bà D2 đứng tên. Vào ngày 29/11/2015 bà D2 chết, trong lúc bà D2 hấp hối bà H có vào bệnh viện thăm và hỏi bác sĩ điều trị về tình trạng bà D2 như vậy thì làm di chúc như thế nào, bác sĩ trả lời muốn gì thì kêu Luật sư lại. Nhưng không ngờ sau khi mẹ chị chết, chị đi làm ăn lo cuộc sống, thì bà H về nước và đến UBND phường VT lập di chúc đề ngày 27/3/2015. Chị xác định bà H lập di chúc giả vì chị là người thừa kế duy nhất mà không hay biết gì về việc lập di chúc này.

Sau đó bà H thuê mướn người đập ổ khóa lấy giấy tờ nhà đất, hộ khẩu thường trú của bà D2 và lấy đi một số tài sản gồm ampli, thùng bass, ti vi 32 inch, máy nước nóng lạnh, chị có trình báo Công an phường VT, Công an thành phố RG về hành vi của bà H. Công an phường có mời bà H làm việc thì bà H có trả lại cho chị các tài sản nêu trên nhưng không trả giấy tờ nhà đất, sổ hộ khẩu và máy nước nóng lạnh.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu công nhận tài sản thừa kế theo di chúc, chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

** Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Thanh L:*

Tòa án đã tiến hành các thủ tục triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Thanh L để hòa giải và công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông Lâm không có mặt, cũng không có ý kiến phản hồi nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn thống nhất với Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang và Chứng thư thẩm định giá tài sản của Công ty cổ phần bất động sản Kiên Giang đối với tài sản tranh chấp là nhà và đất tọa lạc tại số 36 VTT, khu phố NCT, phường VT, thành phố RG, Kiên Giang theo GCN.QSDĐ số AK 494892 do UBND thành phố RG cấp cho bà Nguyễn Thị D2.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2021/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 37, 147, 165, Điều 166, Điều 227, Điều 228, Điều 271,

Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng: Điều 646, Điều 649, Điều 650, Điều 652, Điều 657, Điều 658 Bộ luật dân sư 2005; Điều 688 Bộ luật dân sư 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dung án phí và lê phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị H đối với bị đơn Nguyễn Thị D1 về việc yêu cầu công nhận di chúc của bà Nguyễn Thị D2 lập ngày 27/3/2015 là hợp pháp và công nhận quyền thừa kế nhà đất theo di chúc cho bà H, buộc chị D1 giao lại nhà đất cho bà H và chấm dứt hành vi ngăn cản bà H sử dụng nhà đất.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, về án phí sơ thẩm, quyền và nghĩa vụ trong thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14 tháng 4 năm 2021 ông Nguyễn D là đại diện hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 31/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang. Lý do kháng cáo: Không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy di chúc được bà Nguyễn Thị D2 lập ngày 27/3/2015 do UBND phường VT chứng thực, vì di chúc này lập hoàn toàn đúng quy định của pháp luật, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ dựa vào Công văn trả lời của UBND phường VT để tuyên xử hủy di chúc của bà D2 lập là không đủ căn cứ thuyết phục. Vì thế, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận di chúc do bà Nguyễn Thị D2 lập ngày 27/3/2015 là hợp pháp và buộc bà Nguyễn Thị D1 phải ra khỏi nhà để giao nhà và đất tại số 36 VTT, phường VT, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang cho bà H hưởng theo di chúc.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Người kháng cáo ông Nguyễn D là đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, trình bày: Giữ nguyên lý do và yêu cầu kháng cáo theo đơn kháng cáo ngày 14/4/2021 như đã nêu trên.

- Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm.

Về hướng giải quyết vụ án: Đối với Di chúc lập ngày 27/3/2015, căn cứ theo Công văn số 391/UBND ngày 26/8/2020 của UBND phường VT về chứng thực di chúc của bà Nguyễn Thị D2 do UBND phường ký ngày 27/3/2015 do Công chức Tư pháp - Hộ tịch phường trực tiếp tham mưu trình lãnh đạo UBND phường ký là thực hiện không đúng quy định pháp luật; trong quá trình thực hiện chứng thực di chúc cán bộ hộ tịch phường cố tình làm lùi thời gian trước khi bà D2 chết và bà D2 không phải là người trực tiếp lập di chúc. Cho thấy thủ tục chứng thực di chúc ngày 27/3/2015 của UBND phường VT không hợp pháp theo quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 624 Bộ luật dân sự 2015. Vì thế, Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm không có căn cứ nào mới làm thay đổi nội dung vụ án, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn D người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H ủy quyền cho ông Nguyễn D tham gia tố tụng trong đó có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm và tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm, nên ông D kháng cáo bản án sơ thẩm là thuộc phạm vi ủy quyền. Tòa sơ thẩm xét xử và tuyên án ngày 31/3/2021 đến ngày 14/4/2021 ông D có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm nên kháng cáo của ông D là hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Các bên đương sự thừa nhận: Bà Nguyễn Thị D2 có chồng là ông Nguyễn Văn Th, vợ chồng bà D2 không có con chung nên xin chị Nguyễn Thị D1 về nuôi, bà D2 có em ruột là bà Nguyễn Thị H, ông Thạch đã bỏ địa phương đi từ lâu không rõ tin tức. Như vậy, xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà D2 gồm ông

Nguyễn Văn Th (nếu ông Thạch và bà D2 có đăng ký kết hôn và hiện chưa ly hôn) và chị Nguyễn Thị D1.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thị D1 có nộp đơn phản tố với nội dung: *"Yêu cầu Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, hủy di chúc do bà H cung cấp, yêu cầu bà H giao trả GCNQSDĐ, nhà ở và hộ khẩu do mẹ chị là bà Nguyễn Thị D2 đứng tên đồng thời trả lại cho chị máy nước nóng lạnh do bà H đập ổ khóa vào nhà lấy trong khi chị không có ở nhà. Yêu cầu công nhận nhà đất tại số 36 VTT, khu phố NCT, phường VT, thành phố RG, Kiên Giang cho chị vì chị là người thừa kế theo pháp luật của bà D2"* cho Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Yêu cầu phản tố của chị D1 thuộc trường hợp phải nộp tạm ứng án phí theo quy định pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã ban hành Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí vào ngày 16/5/2017. Ngày 16/5/2017, chị D1 đã nhận được thông báo nộp tiền tạm ứng án phí cho yêu cầu phản tố nhưng hết thời hạn được ấn định trong thông báo chị D1 không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án. Ngày 12/6/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã ban hành Thông báo số 129/TB-TA trả lại đơn phản tố và tống đạt hợp lệ cho chị D1. Do đó, yêu cầu của bị đơn chị D1, Tòa sơ thẩm không xem xét trong cùng vụ án này là đúng quy định và như vậy Tòa sơ thẩm không đưa ông Thạch tham gia tố tụng cũng là đúng.

- *Về nội dung:* Đối kháng cáo của ông Nguyễn D đại diện hợp pháp của nguyên đơn, xét:

[1] Qua xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến trình bày của bị đơn, đối chiếu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù, Di chúc mang tên người lập Nguyễn Thị D2 được lập tại UBND phường VT, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang và được UBND phường VT, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang chứng thực vào ngày 27/3/2015, với nội dung: Bà Nguyễn Thị D2 lập di chúc để lại quyền sử dụng đất và nhà ở tại số 36 VTT, khu phố NCT, phường VT, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang (hiện do bà D2 là chủ sử dụng) để lại cho bà Nguyễn Thị H là chị của bà D2 hiện định cư tại Australia, được quyền thừa hưởng khi bà D2 qua đời.

Tuy nhiên theo Công văn số 391/UBND ngày 26/8/2020 của UBND phường VT, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang trả lời Công văn số 100/CV-TA ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang lại xác định: Việc chứng thực di chúc của bà Nguyễn Thị D2 do UBND phường ký vào ngày 27/03/2015 do Công chức Tư pháp - Hộ tịch phường trực tiếp tham mưu trình lãnh đạo UBND phường ký là thực hiện không đúng theo quy định của pháp luật. Khi làm hồ sơ chứng thực di chúc của bà Nguyễn Thị D2, sinh năm 1960 để lại quyền sử dụng đất và nhà ở tại số 36 đường VTT, phường VT cho bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957, định cư tại AUSTRALIA nhưng bà D2 lúc đó đã chết (thời gian bà D2 chết vào khoảng tháng 12/2015). Trong quá trình thực hiện chứng thực di chúc thì Công chức Tư pháp - Hộ tịch phường tự ý thực hiện không đúng thủ tục theo quy định

pháp luật (lùi thời gian trước khi bà D2 chết là tháng 3/2015 và bà D2 không phải là người trực tiếp lập di chúc).

Căn cứ các Điều 646, Điều 649, Điều 650, Điều 652, Điều 657, Điều 658 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về di chúc, hình thức, thủ tục lập di chúc tại Cơ quan công chứng hoặc UBND xã phường và thế nào là di chúc hợp pháp thì Di chúc lập ngày 27/3/2015 không phải do bà D2 lập và được xác lập sau khi bà D2 chết là không hợp pháp.

Do đó, Tòa sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về yêu cầu: Công nhận di chúc của bà D2 lập ngày 27/3/2015 là hợp pháp, yêu cầu công nhận quyền thừa kế nhà, đất theo di chúc, buộc chị D1 giao lại nhà, đất nêu trên và chấm dứt hành vi ngăn cản nguyên đơn sử dụng nhà đất là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật; tại cấp phúc thẩm không có căn cứ nào mới làm thay đổi nội dung vụ án, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn D người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng, nhưng do nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm về chi phí tố tụng, về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 646, 649, 650, 652, 657, 658 Bộ luật dân sư 2005; Điều 688 Bộ luật dân sư 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nôp, quản lý và sử dung án phí và lê phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn D người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn chị Nguyễn Thị D1, về việc yêu cầu công nhận di chúc của bà Nguyễn Thị D2 lập ngày 27/3/2015 là hợp pháp và công nhận quyền thừa kế nhà, đất theo di chúc cho bà H, buộc chị Nguyễn Thị D1 giao lại nhà, đất cho bà Nguyễn Thị H và chấm dứt hành vi ngăn cản bà Nguyễn Thị H sử dụng nhà, đất.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H không phải chịu.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm về án phí, về chi phí tố tụng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao;
– VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
– TAND tỉnh Kiên Giang;
– VKSND tỉnh Kiên Giang;
– Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
– Các đương sự (3);
– Lưu VT (5), HS (2), 13b, (ÁN09)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Tửu